

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 03 – 5 – 2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trí

Ông Phan Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Khóm TĐB, thị trấn ThB, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Hồng T, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: Khóm TĐA, thị trấn ThB, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Nguyễn Thị H và chị Huỳnh Thị Hồng T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Huỳnh Thị Hồng T có vay của chị Nguyễn Thị H hai lần, cụ thể:

Ngày 28/02/2017 (nhằm ngày 03/02/2017 âm lịch), chị T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả là 01 tháng, khi vay có làm biên nhận, chị T đã trả lãi là 6.000.000 đồng.

Ngày 04/9/2017 (nhằm ngày 14/7/2017 âm lịch), chị T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả là 01 tháng, khi vay có làm biên nhận, chị T đã trả lãi 5.000.000 đồng.

Chị H đã nhiều lần yêu cầu chị T trả các khoản tiền vay nhưng chị T không trả. Đối với khoản tiền lãi chị T đã trả cho chị H, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu chị Huỳnh Thị Hồng T trả cho chị H số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng T trình bày:*

Chị T thống nhất, chị T có vay chị H 02 lần với số tiền 70.000.000 đồng, chị T đã trả cho chị H 18 tháng tiền lãi với số tiền là 63.000.000 đồng nhưng chị T không có chứng cứ chứng minh đã đóng cho chị H số tiền lãi nêu trên. Đối với các khoản tiền lãi đã trả chị H, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị T gặp khó khăn về kinh tế, có thể trả cho chị H mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Nay chị Huỳnh Thị Hồng T đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nhưng yêu cầu mỗi tháng trả 2.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Biên nhận ngày 03/02; Biên nhận ngày 17/4 (Bản chính).
- Đơn xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Huỳnh Thị Hồng T cư trú tại Khóm TĐA, thị trấn ThB, huyện TB, tỉnh DT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị H yêu cầu chị Huỳnh Thị Hồng T trả cho chị H số tiền 70.000.000 đồng.

Xét thấy, chị T thừa nhận có ký tên vào Biên nhận ngày 03/02/2017 và Biên nhận ngày 17/4/2017. Chị T cũng thừa nhận nội dung trong 02 Biên nhận nêu trên là đúng. Theo đó, chị T có vay của chị H hai lần vào các ngày 28/02/2017 (nhằm ngày 03/02/2017 âm lịch), chị T vay số tiền 20.000.000 đồng và ngày 04/9/2017 (nhằm ngày 14/7/2017 âm lịch), chị T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn trả là 01 tháng. Chị T xác định khi ký tên vào các Biên nhận để vay tổng số tiền là 70.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Khi thỏa thuận và thực hiện giao dịch vay tiền thì chị H và chị T đều có

năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Như vậy, việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa chị H và chị T là phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị T thừa nhận là chị H đã nhiều lần yêu cầu trả khoản tiền vay nhưng chị T không thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay, chị T cũng xác định là còn nợ chị H số tiền vay là 70.000.000 đồng và chưa trả cho chị H bất kỳ khoản tiền vốn gốc nào của các khoản vay. Chị T cũng không chứng minh được có sự thỏa thuận khác về việc trả khoản tiền vay cho chị H. Cho nên, có căn cứ xác định chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền vay của chị H.

Từ những phân tích trên, chị Nguyễn Thị H yêu cầu chị Huỳnh Thị Hồng T trả cho chị H số tiền 70.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét ý kiến của chị Huỳnh Thị Hồng T là đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 70.000.000 đồng nhưng yêu cầu mỗi tháng trả 2.000.000 đồng.

Xét thấy, theo các Biên nhận không thể hiện là giữa chị H và chị T có thỏa thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng khi chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra, chị H cũng không đồng ý theo yêu cầu của chị T về việc mỗi tháng trả số tiền là 2.000.000 đồng. Yêu cầu của chị T sẽ được xem xét giải quyết trong giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của chị T là không phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về lãi suất: Chị H xác định chị T đã trả tiền lãi là 11.000.000 đồng, khi trả lãi không lập thành văn bản; chị T xác định chị T đã trả 18 tháng tiền lãi với số tiền là 63.000.000 đồng nhưng chị T không có chứng cứ chứng minh đã trả cho chị H số tiền lãi nêu trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, chị H và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H nên chị Huỳnh Thị Hồng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Buộc chị Huỳnh Thị Hồng T trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền vốn gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Chị Huỳnh Thị Hồng T phải chịu số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2017/0009304 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên